TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 11-01-2023
V/v Chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thu phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:*** Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TS bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 204/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966; Địa chỉ: 70/3 NTN, khu phố 2, phường HT, Quận 12, Tp. HCM; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Châu Thanh Ln, sinh năm 1969; Địa chỉ: 166 PĐP, thị trấn PP, TS, Bình Định; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Địa chỉ: 3/3C, khu phố 3, phường TTH, Quận 12, TP. HCM; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh 1995; Địa chỉ: 166 PĐP, thị trấn PP, TS, Bình Định; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông và bà Châu Thanh Ln đã ly hôn theo Bản án sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện TS, khi đó chưa giải quyết phân chia tài sản chung. Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà Ln có tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất ở tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 40, diện tích 101,4m^2 (101,4m^2 đất ở đô thị; có 17,7m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông), tọa lạc tại: 166 PĐP, thị trấn PP, huyện TS, Bình Định đã được UBND huyện TS cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CA 143229 ngày 19/03/2015 đứng tên ông và bà Châu Thanh Ln. Trên đất có ngôi nhà cấp 4, xây năm 1992, sửa lại năm 1998 (xây thêm gác lỡ). Ông không yêu cầu chia giá trị nhà, yêu cầu chia giá trị đất theo quy định pháp luật. Ông yêu cầu nhận nhà đất và thối lại giá trị cho bà Ln.

Ngoài ra trong thời kỳ hôn nhân ông và bà Ln cho chị gái ông là bà Nguyễn Thị L vay số tiền 400.000.000đ, lãi suất ông không rõ. Bà L đã trả nhiều lần cho ông xong (toàn bộ cả tiền gốc và lãi), ông là người trực tiếp nhận tiền, sau đó đã đưa cho bà Ln (đưa cho con trai giao lại, đưa tiền mặt trực tiếp, gửi bưu điện;…), có một phần giữ lại để trang trải nôi hai con học đại học. Nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh cho việc đưa tiền cho bà Ln, việc chi phí con ăn học; do khi đó còn trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tin tưởng lẫn nhau. Việc bà Ln yêu cầu tính khoản tiền nợ 400.000.000đ vào khối tài sản chung để phân chia thì ông không chấp nhận vì toàn bộ số nợ trên bà L trả xong, ông nhận đã đưa bà Ln và chi phí nuôi con ăn học hết. Đối với khoản tiền bà Ln cho thuê nhà từ năm 2019 thì ông không có yêu cầu phân chia.

Ông và bà Ln không có tài sản chung nợ chung nào khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Châu Thanh Ln trình bày:

Bà thống nhất như ông Nguyễn Văn N trình bày nêu trên về khối tài sản chung của ông bà tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân chưa chia khi giải quyết vụ án ly hôn giữa bà và ông N.

Ngoài ra, khoảng trước năm 2000 bà và ông N cho chị gái ông N là bà Nguyễn Thị L vay số tiền 400.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Đến năm 2012 bà hỏi ông N về khoản nợ 400.000.000đ thì ông N bảo để ông vào Sài Gòn tính với bà L, lấy tiền rồi gởi về cho bà; nhưng từ đó đến nay ông N không hề đưa cho bà khoản tiền nào (cả gốc và lãi) từ việc thu nợ của bà L. Nay ông N yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là nhà đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ

số 40, diện tích 101,4 m^2 (101,4 m^2 đất ở đô thị; có 17,7m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông) tọa lạc tại: 166 PĐP, thị trấn PP, TS, Bình Định; trên đất có ngôi nhà cấp 4, xây năm 1992, sửa lại năm 1998 (xây thêm gác lỡ) thì bà cũng thống nhất, nhưng yêu cầu tính khoản tiền 400 triệu (tiền gốc mà ông N thu nợ chung từ bà L, không yêu cầu tính khoản tiền lãi) vào giá trị tài sản chung để phân chia. Bà quản lý nhà đất từ năm 2008 đến nay. Bà yêu cầu nhận nhà và đất để sở hữu và thối lại phần ông N bằng tiền.

Ngôi nhà này bà cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh T thuê từ tháng 9/2020 đến 7/2022 thì hết hạn với giá 4.000.000đ/tháng, đã trả đủ tiền thuê.

Ngoài ra bà và ông N không có tài sản chung nợ chung gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại lời khai ngày 01/4/2022 bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là chị ruột ông Nguyễn Văn N. Trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Văn N, bà Châu Thanh Ln, bà có vay tiền của vợ chồng N Ln nhiều lần, lần sau cùng vay 10 chỉ vàng 24K và 500.000.000đ tiền mặt, lãi thỏa thuận là 2%/tháng, vì là chị em của nhau nên hai bên không viết giấy tờ gì. Sau đó bà đã trả dần cho đến năm 2016 là hết nợ, người nhận tiền trực tiếp từ bà là ông N (mỗi lần đưa tiền trả nợ cho ông N, bà có gọi điện thoại thông báo cho bà Ln). Bà đã trả xong toàn bộ khoản tiền 400.000.000đ và tiền lãi về khoản nợ vay nói trên cho ông N nhận. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại lời khai ngày 07/4/2022, chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Từ tháng 8/2019 vợ chồng chị có thuê ngôi nhà tại số nhà 166 PĐP, thị trấn PP, TS, Bình Định từ bà Châu Thanh Ln với giá thuê là 5.000.000đ/tháng, nhưng giai đoạn dịch Covid 19 bà Ln tính 4.000.000đ/tháng. Đến tháng 7/2022 thì hết thời hạn thuê nhà. Vợ chồng chị sẽ dọn và trả lại nhà trống cho bà Ln. Vợ chồng chị đã trả hết tiền thuê nhà cho bà Ln không còn nợ tiền gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Bình Định quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N:

1.1. Giao bà Châu Thanh Ln sở hữu, sử dụng đối với đất ở, nhà ở và các công trình kiến trúc khác tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 40, diện tích 101,4m^2 (đất ở đô thị; có 17,7m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông) tọa lạc tại: 166 PĐP, thị trấn PP, huyện TS, tỉnh Bình Định có giá: 2.028.000.000đ (nhà và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 143229 ngày 19/03/2015 hiện bà Ln đang quản lý).

- Buộc Bà Châu Thanh Ln có nghĩa vụ thối lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền 814.000.000đ (*Tám trăm mười bốn triệu đồng*)

- Ông Nguyễn Văn N được sở hữu số tiền 1.214.000đ (trong đó: 814.000.000đ do bà Ln giao và 400.000.000đ là số tiền bà L đã trả nợ mà ông N đang quản lý) về khoản giá trị tài sản chung được chia.

1.2. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn N về yêu cầu: khoản tiền nợ chung 400.000.000đ và tiền lãi do bà L trả ông đã đưa cho bà Ln và chi tiêu hết, không chấp nhận phân chia vì không có chứng cứ để chứng minh, bà Ln không đồng ý.

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn N về việc được nhận nhà và thối lại phần bà Ln bằng tiền vì không phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N kháng cáo không đồng ý thối lại cho bà Ln 200.000.000đ từ số tiền 400.000.000đ bà L trả tiền vay; Yêu cầu định gía lại giá trị lô đất số 166 đường PĐP, TT.PP, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn N về giá trị thửa đất 166 đường PĐP, TT.PP, huyện TS theo kết quả định giá ngày 10/11/2022 là 25.000.000đ/m^2; Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo ông Nguyễn Văn N không đồng ý thối lại cho bà Ln 200.000.000đ từ số tiền 400.000.000đ bà L trả tiền vay, Hội đồng xét xử, thấy rằng: Ông N và bà L thống nhất ông bà cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 400.000.000đ, lãi suất 2%/tháng. Ông N và bà L thống nhất bà L đã trả cho ông 400.000.000đ. Nhưng ông N nại đã đưa cho bà Ln (đưa cho con trai giao lại, đưa tiền mặt trực tiếp, gửi bưu điện…) và có một phần giữ lại để trang trải nuôi hai con học đại học. Tuy nhiên, bà Ln không thừa nhận và ông N không có chứng cứ chứng minh đã đưa tiền cho bà Ln nên cấp sơ thẩm buộc ông N thanh toán lại cho bà Ln 200.000.000đ là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông N.

[2] Xét kháng cáo định giá lại giá trị thửa đất số 06, tờ bản đồ số 40, diện tích 101,4m^2 đất ở, địa chỉ: 166 PĐP, thị trấn PP, TS, Bình Định, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Nguyễn Văn N và bà Châu Thanh Ln thống nhất nhà đất thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 40, diện tích 101,4m^2 đất ở, địa chỉ: 166 PĐP, thị trấn PP, TS, Bình Định đã được Ủy ban nhân dân huyện TS cấp GCNQSDĐ số CA 143229 ngày 19/03/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn N, bà Châu Thanh Ln

là tài sản chung vợ chồng. Các đương sự không yêu cầu chia giá trị nhà, chỉ chia giá trị đất. Xét thấy nhà đất số 06 không đủ điều kiện chia được bằng hiện vật theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình và bà Ln trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất này nhiều năm nay nên cấp sơ thẩm tuyên giao bà Ln nhận nhà đất và buộc bà Ln thanh toán lại ông N ½ giá trị đất là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng định giá cấp phúc thẩm định giá đất 25.000.000đ/m^2 101,4m^2 = 2.535.000.000đ. Bà Ln phải thanh toán cho ông N 1.267.500.000đ.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông N.

[3] Chia tài sản:

Ông N: 1.267.500.000đ - 200.000.000đ trả bà Ln = 1.067.500.000đ

Bà Ln: 1.267.500.000đ + 200.000.000đ ông N trả = 1.467.500.000đ

[4] Về án phí, chi phí định giá:

[4.1] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí DSST: Ông N, bà Ln mỗi người phải chịu 41.350.000đ án phí chia tài sản theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Án phí DSPT: Kháng cáo của ông N được chấp nhận một phần nên ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

[4.2] Chi phí định giá:

Chi phí định giá cấp phúc thẩm 5.000.000đ. Ông N đã tạm ứng 5.000.000đ nên bà Ln phải hoàn lại cho ông N 2.500.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn N về giá trị thửa đất 166 đường PĐP, TT.PP, huyện TS theo kết quả định giá ngày 10/11/2022 là 25.000.000đ/m^2; Sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn N. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Bà Châu Thanh Ln được sở hữu, sử dụng nhà ở và các công trình gắn liền với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 40, diện tích 101,4m^2 địa chỉ: 166 PĐP, thị trấn PP, huyện TS, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện TS cấp GCNQSDĐ số CA 143229 ngày 19/03/2015.

Bà Châu Thanh Ln thanh toán cho ông Nguyễn Văn N số tiền 1.067.500.000đ (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)

2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Án phí.

- Án phí DSST:

Ông Nguyễn Văn N phải chịu 41.350.000đ (bốn mươi mốt triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào 10.000.000đ (mười triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0007000 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS.

Bà Châu Thanh Ln phải chịu 41.350.000đ (bốn mươi mốt triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí DSPT: Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn N 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0007369 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS.

3.2. Chi phí định giá cấp phúc thẩm: Bà Châu Thanh Ln thanh toán cho ông Nguyễn Văn N 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương **Nguyễn Thanh Tuấn** **Võ Thị Hồng Thu**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện TS;
- CCTHADS huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa GĐ&NCTN.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thu

CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thị Hồng Thu

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND H.TS;
- CCTHADS H.TS;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thu

CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tuấn **Nguyễn Văn Nghĩa** **Võ Thị Hồng Thu**